

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2018/HN - ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Diệc
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “ ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXXST - HN ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Kim T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 158 tổ 11 khóm NN, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1987 (vắng)

Địa chỉ: Số 24/2 ấp PL, xã TQ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Văn D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh D thường xuyên uống rượu với bạn bè về nhà hành hung, đánh đập chị. Chị và anh D không sống chung với nhau từ tháng 01/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/01/2012, hiện chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Anh Lê Văn D không có văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu quan điểm tại phiên tòa xác định:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Trình tự thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp ly hôn, tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn trong vụ án này đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn Lê Văn D: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử đối với bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Kim T được ly hôn với anh Lê Văn D vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, chị T và anh D không sống chung với nhau từ tháng 01/2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D nhiều lần để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh D không tham gia.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/01/2012 cho chị Lê Kim T tiếp tục nuôi dưỡng vì từ khi chị T và anh D không sống chung đến nay cháu N do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 82, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn D được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 02/5/2018, ngày 25/5/2018 và tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn D theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 20, do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ cấp ngày 13/3/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị T và anh D không còn gắn bó, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản phản đối về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của chị T nêu ra, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/01/2012 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu N hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng, anh D không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Kim T được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/01/2012 cho chị Lê Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Kim T không yêu cầu anh Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: chị Lê Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001427 ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị T không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: chị Lê Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú